

Số: /BC-SGDĐT

Lạng Sơn, ngày 25 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thực hiện Quyết định số 2034/QĐ-BGDĐT ngày 13/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công giai đoạn 2023-2030”; Quyết định số 3871/QĐ-BGDĐT ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt Bộ công cụ điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công; công văn 2637/VP-BGDĐT ngày 15/5/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công; Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026, cụ thể như sau:

Chương 1: Tổ chức đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục

1.1. Mục tiêu

Đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công đối với các đơn vị cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giúp đánh giá một cách khoa học, minh bạch và khách quan chất lượng dịch vụ của các cơ sở giáo dục công.

Kết quả khảo sát là cơ sở để các cơ quan quản lý và cơ sở giáo dục có những biện pháp cải thiện chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người dân ngày càng tốt hơn và thực hiện tốt hơn quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Các cấp quản lý giáo dục, lãnh đạo các cơ sở giáo dục chủ động, trách nhiệm triển khai lấy phiếu thăm dò mức độ hài lòng của người dân đối với giáo dục làm cơ sở tham khảo đánh giá chất lượng giáo dục, cơ sở giáo dục.

1.2. Nội dung đo lường sự hài lòng

Đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh, đối với các cấp học và trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn được quy định tại Quyết định số 3871/QĐ-BGDĐT ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm: Tiếp cận dịch vụ giáo dục; cơ sở vật chất; môi trường giáo dục (*trong Phiếu P6 gọi là “Môi trường đào tạo”*); hoạt động giáo dục (*Trong Phiếu P1 gọi là “Hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ”, trong Phiếu P6 gọi là “Hoạt động đào tạo”*); kết quả giáo dục (*Trong Phiếu P1 gọi là “Kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ”, trong Phiếu P6 gọi là “Kết quả đào tạo”*); đánh giá chung; đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục (*trong Phiếu P6 gọi là: “Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ đào tạo”*).

1.3. Mẫu khảo sát

- Tại xã, phường, phòng Văn hóa – Xã hội tiến hành chọn ngẫu nhiên cơ sở giáo dục trên địa bàn, theo tỷ lệ sau: 50% số cơ sở giáo dục mầm non trong xã; 50% số cơ sở giáo dục tiểu học trong huyện; 50% số cơ sở giáo dục trung học cơ sở trong xã (nếu có). Trong đó các đơn vị được lựa chọn thực hiện lấy phiếu đánh giá 100% số cha mẹ học sinh toàn trường.

- Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 50% số cơ sở giáo dục trung học phổ thông và lựa chọn thực hiện lấy phiếu đánh giá 100% số học sinh và 100% số cha mẹ học sinh (*có danh sách các trường kèm theo*).

- Sở Giáo dục và Đào tạo lựa chọn 50% trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên lựa chọn thực hiện lấy phiếu đánh giá 10% số học viên (*có danh sách các trường kèm theo*).

- Lựa chọn thực hiện lấy phiếu đánh giá 50% số sinh viên tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn.

1.4. Phương pháp thực hiện, cách thức tổ chức triển khai

- Sở Giáo dục và Đào tạo Lạng Sơn triển khai hướng dẫn khảo sát, xác định chỉ số hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026 trên địa bàn phường trên hệ thống phần mềm tại địa chỉ: <https://sipas.moet.gov.vn/login>;

- Cử nhân sự làm đầu mối chịu trách nhiệm quản lý tài khoản và theo dõi dữ liệu trên hệ thống phần mềm; triển khai tổ chức khảo sát theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đảm bảo đúng thời gian quy định.

Chương 2. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân

đối với dịch vụ giáo dục công

2.1. Đặc điểm đối tượng khảo sát

Phần mềm của Bộ Giáo dục và đào tạo lựa chọn ngẫu nhiên 87 đơn vị cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn với **18.275** phiếu, cụ thể như sau:

- Cấp mầm non:

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	SỐ PHIẾU
1	Xã Ba Sơn	Mầm non Cao Lâu	Mầm non	120
2	Xã Khánh Khê	Trường Mầm non Trảng Các	Mầm non	114
3	Xã Khánh Khê	Trường Mầm non Bình Trung	Mầm non	140
4	Xã Kiên Mộc	Trường Mầm non I Bình Xá	Mầm non	59
5	Xã Kiên Mộc	Trường Mầm non Bắc Xa	Mầm non	81
6	Xã Na Sầm	Trường Mầm non Hoàng Việt	Mầm non	175
7	Xã Na Sầm	Trường Mầm non Na Sầm	Mầm non	329
8	Xã Tân Thành	Trường Mầm non 1 Tân Thành	Mầm non	168
9	Xã Tân Tri	Trường Mầm non Vạn Thủy	Mầm non	59
10	Xã Tân Tri	Trường Mầm non Tân Tri	Mầm non	255
11	Xã Thái Bình	Trường Mầm non I Lâm Ca	Mầm non	114
12	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non 2 Thiện Tân	Mầm non	152
13	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non Thanh Sơn	Mầm non	161
14	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non 1 Thiện Tân	Mầm non	142
15	Xã Thụy Hùng	Trường Mầm non Thanh Long	Mầm non	87
16	Xã Tri Lễ	trường mầm non Hữu Lễ	Mầm non	72
17	Xã Tri Lễ	Trường mầm non Lương Năng	Mầm non	109
18	Xã Tri Lễ	Truường mầm non 2 Tri Lễ	Mầm non	57
19	Xã Tuấn Sơn	Trường MN 1 Minh Sơn	Mầm non	93
20	Xã Tuấn Sơn	Trường Mầm non Minh Hoà	Mầm non	96
21	Xã Yên Bình	Trường Mầm non Hòa Bình	Mầm non	123
22	Phường Lương Văn Tri	Trường mầm non 8-3, phường Lương Văn Tri	Mầm non	210
23	Xã Cao Lộc	Trường Mầm non Thạch Đạn	Mầm non	129
24	Xã Na Dương	Trường Mầm non Na Dương	Mầm non	245
25	Xã Na Dương	Trường Mầm non Tú Đoạn I	Mầm non	136

26	Xã Văn Lãng	Trường Mầm non Bắc La	Mầm non	93
27	Xã Thất Khê	Trường mầm non Đại Đồng	Mầm non	215
28	Xã Thất Khê	Trường Mầm non Chi Lăng	Mầm non	75
29	Xã Bình Gia	Trường mầm non Tô Hiệu	Mầm non	299
30	Xã Bắc Sơn	Trường mầm non Bắc Sơn	Mầm non	148
31	Xã Chi Lăng	Trường mầm non Sơn Ca	Mầm non	156
32	Xã Văn Quan	Trường Mầm non Văn Quan	Mầm non	137
33	Xã Văn Quan	Trường Mầm non Hòa Bình	Mầm non	6
34	Xã Văn Quan	Trường mầm non Tú Xuyên	Mầm non	67
35	Xã Diêm He	Trường Mầm non 2 Diêm He	Mầm non	131
36	Xã Diêm He	Trường Mầm non Liên Hội	Mầm non	142
37	Xã Vân Nham	Trường Mầm non Nhật Tiến	Mầm non	57
38	Xã Bằng Mạc	Trường Mầm non Gia Lộc	Mầm non	18
39	Xã Cai Kinh	Trường Mầm Non Cai Kinh	Mầm non	50
40	Xã Đồng Đăng	Trường Mầm non Phú Xá	Mầm non	141
41	Xã Hội Hoan	Trường Mầm non Nam La	Mầm non	8
42	Xã Mẫu Sơn	Trường Mầm non Yên Khoái	Mầm non	147
43	Xã Thiện Hòa	Trường mầm non Thiện Hòa	Mầm non	127
44	Xã Hoàng Văn Thụ	Trường Mầm non Hoàng Văn Thụ	Mầm non	101
TỔNG SỐ				5544

- Cấp tiểu học:

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	SỐ PHIẾU
1	Xã Kiên Mộc	Trường Tiểu học II Bình Xá	Tiểu học	116
2	Xã Kiên Mộc	Trường PTDT BT Tiểu học I Kiên Mộc	Tiểu học	116
3	Xã Na Sầm	Trường Tiểu học Hoàng Việt	Tiểu học	162
4	Xã Quan Sơn	Trường Tiểu học Quan Sơn	Tiểu học	136
5	Phường Kỳ Lừa	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu học	89
6	Phường Kỳ Lừa	Trường Tiểu học Hợp Thành	Tiểu học	59

7	Xã Na Dương	Trường Tiểu học Mỏ Na Dương	Tiểu học	453
8	Xã Na Dương	Trường Tiểu học Na Dương	Tiểu học	386
9	Xã Thất Khê	Trường Tiểu học Chi Lăng	Tiểu học	318
10	Xã Bình Gia	Trường Tiểu học Bình Gia	Tiểu học	356
11	Xã Bình Gia	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu học	199
12	Xã Văn Quan	Trường Tiểu học 1 Văn Quan	Tiểu học	111
13	Phường Tam Thanh	Trường Tiểu học Tam Thanh	Tiểu học	282
14	Xã Châu Sơn	Trường Tiểu học Châu Sơn	Tiểu học	109
15	Xã Hội Hoan	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nam La	Tiểu học	71
16	Xã Kháng Chiến	Trường TH&THCS Kháng Chiến	Tiểu học	166
17	Xã Tân Đoàn	Trường Tiểu học Tân Thành	Tiểu học	134
TỔNG SỐ				3263

- Cấp trung học cơ sở:

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẠC HỌC	SỐ PHIẾU
1	Xã Kiên Mộc	Trường Trung học cơ sở Bình Xá	Trung học cơ sở	137
2	Xã Na Sầm	Trường trung học cơ sở Lũng Vải	Trung học cơ sở	103
3	Xã Quốc Việt	Trường Trung học cơ sở Đào Viên	Trung học cơ sở	111
4	Xã Vạn Linh	Trường Trung học cơ sở Hòa Bình	Trung học cơ sở	236
5	Xã Vũ Lễ	Trường trung học cơ sở Vũ Sơn	Trung học cơ sở	99
6	Phường Kỳ Lừa	Trường Trung học cơ sở Cao Lộc	Trung học cơ sở	694
7	Phường Lương Văn Tri	Trường THCS Chi Lăng	Trung học cơ sở	806
8	Phường Đông Kinh	Trường Trung học cơ sở Mai Pha	Trung học cơ sở	54
9	Xã Bắc Sơn	Trường Trung học cơ sở Bắc Quỳnh	Trung học cơ sở	222

10	Xã Văn Quan	Trường THCS Văn Quan	Trung học cơ sở	174
11	Xã Diêm He	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Liên Hội	Trung học cơ sở	34
12	Xã Chiến Thắng	Trường Trung học cơ sở Chiến Thắng	Trung học cơ sở	138
TỔNG SỐ				2808

- Cấp trung học phổ thông:

STT	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	SỐ PHIẾU	GHI CHÚ
1	THPT Ba Sơn	Trung học phổ thông	202	
2	THPT Văn Lãng	Trung học phổ thông	467	
3	THPT Cao Lộc	Trung học phổ thông	656	
4	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh	Trung học phổ thông	664	
5	THPT Lộc Bình	Trung học phổ thông	287	
6	THPT Na Dương	Trung học phổ thông	255	
7	THPT Bình Gia	Trung học phổ thông	1326	
8	THPT Bắc Sơn	Trung học phổ thông	532	
9	THPT Chi Lăng	Trung học phổ thông	743	
10	THPT Văn Quan	Trung học phổ thông	433	
11	THPT Vân Nham	Trung học phổ thông	290	
12	THPT Lương Văn Tri	Trung học phổ thông	215	
13	Trung tâm GDNN-GDTX Lộc Bình	Giáo dục thường xuyên	30	
TỔNG SỐ			6100	

- Cao đẳng Lạng Sơn:

STT	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	SỐ PHIẾU	GHI CHÚ
1	Cao đẳng Lạng Sơn	Cao đẳng	560	

2.2. Sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công

2.2.1. Điểm hài lòng

2.2.2.1. Đối với Giáo dục mầm non

- Điểm hài lòng chung: 4,41

- Tỷ lệ hài lòng chung: 95,37%

- Mức độ hài lòng: 95,36%

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẠC HỌC	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
1	Xã Ba Sơn	Trường Mầm non Cao Lâu	Mầm non	4,16	90,23	90,23
2	Xã Khánh Khê	Trường Mầm non Trảng Các	Mầm non	4,39	92,46	92,46
3	Xã Khánh Khê	Trường Mầm non Bình Trung	Mầm non	4,55	96,46	96,46
4	Xã Kiên Mộc	Trường Mầm non I Bính Xá	Mầm non	4,09	97,22	97,22
5	Xã Kiên Mộc	Trường Mầm non Bắc Xa	Mầm non	4,61	99,85	99,85
6	Xã Na Sầm	Trường Mầm non Hoàng Việt	Mầm non	4,56	94,61	94,61
7	Xã Na Sầm	Trường Mầm non Na Sầm	Mầm non	4,51	97,95	97,95
8	Xã Tân Thành	Trường Mầm non 1 Tân Thành	Mầm non	4,84	97,55	97,55
9	Xã Tân Tri	Trường Mầm non Vạn Thủy	Mầm non	4,59	95,12	95,12
10	Xã Tân Tri	Trường Mầm non Tân Tri	Mầm non	4,46	96,77	96,77
11	Xã Thái Bình	Trường Mầm non I Lâm Ca	Mầm non	4,31	98,84	98,84
12	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non 2 Thiện Tân	Mầm non	4,37	90,18	90,18
13	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non Thanh Sơn	Mầm non	4,49	95,23	95,23
14	Xã Thiện Tân	Trường Mầm non 1 Thiện Tân	Mầm non	4,2	86,25	86,25
15	Xã Thụy Hùng	Trường Mầm non Thanh Long	Mầm non	4,43	97,84	97,84
16	Xã Tri Lễ	Trường mầm non Hữu Lễ	Mầm non	4,3	95,56	95,56
17	Xã Tri Lễ	Trường mầm non Lương Năng	Mầm non	4,19	98,9	98,9
18	Xã Tri Lễ	Trường mầm non 2 Tri Lễ	Mầm non	4,18	90,46	90,46

19	Xã Tuấn Sơn	Trường MN 1 Minh Sơn	Mầm non	4,46	95,18	95,18
20	Xã Tuấn Sơn	Trường Mầm non Minh Hoà	Mầm non	4,49	95,54	95,54
21	Xã Yên Bình	Trường Mầm non Hòa Bình	Mầm non	4,71	100	100
22	Phường Lương Văn Tri	Trường mầm non 8-3, phường Lương Văn Tri	Mầm non	4,42	97,5	97,5
23	Xã Cao Lộc	Trường Mầm non Thạch Đạn	Mầm non	4,39	91,91	91,91
24	Xã Na Dương	Trường Mầm non Na Dương	Mầm non	4,66	99,49	99,09
25	Xã Na Dương	Trường Mầm non Tú Đoạn I	Mầm non	4,75	100	100
26	Xã Văn Lãng	Trường Mầm non Bắc La	Mầm non	4,81	98,32	98,32
27	Xã Thất Khê	Trường mầm non Đại Đồng	Mầm non	4,39	97,08	97,08
28	Xã Thất Khê	Trường Mầm non Chi Lăng	Mầm non	4,19	98,61	98,61
29	Xã Bình Gia	Trường mầm non Tô Hiệu	Mầm non	4,57	96,7	96,7
30	Xã Bắc Sơn	Trường mầm non Bắc Sơn	Mầm non	4,35	94,16	94,16
31	Xã Chi Lăng	Trường mầm non Sơn Ca	Mầm non	4,58	97,31	97,31
32	Xã Văn Quan	Trường Mầm non Văn Quan	Mầm non	4	99,82	99,82
33	Xã Văn Quan	Trường Mầm non Hòa Bình	Mầm non	4,28	87,33	87,33
34	Xã Văn Quan	Trường mầm non Tú Xuyên	Mầm non	4,17	100	100
35	Xã Đầm He	Trường Mầm non 2 Đầm He	Mầm non	4,69	99,76	99,76
36	Xã Đầm He	Trường Mầm non Liên Hội	Mầm non	4,18	87,86	87,86
37	Xã Vân Nham	Trường Mầm non Nhật Tiến	Mầm non	4,37	89,75	89,75
38	Xã Bằng Mạc	Trường Mầm non Gia Lộc	Mầm non	4,4	94	94
39	Xã Cai Kinh	Trường Mầm Non Cai Kinh	Mầm non	4,28	96,72	96,72
40	Xã Đồng Đăng	Trường Mầm non Phú Xá	Mầm non	4,49	99,69	99,69
41	Xã Hội Hoan	Trường Mầm non Nam La	Mầm non	4,44	100	100
42	Xã Mẫu Sơn	Trường Mầm non Yên Khoái	Mầm non	4,24	87,27	87,27
43	Xã Thiện Hòa	Trường mầm non Thiện Hòa	Mầm non	4,33	90,24	90,24
44	Xã Hoàng Văn Thụ	Trường Mầm non Hoàng Văn Thụ	Mầm non	4,31	90,57	90,57

2.2.2.2. Đối với Giáo dục tiểu học

- Điểm hài lòng chung: 4,25

- Tỷ lệ hài lòng chung: 90,78%

- Mức độ hài lòng: 90,78%

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẠC HỌC	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
1	Xã Kiên Mộc	Trường Tiểu học II Bình Xá	Tiểu học	4,04	98,28	98,28
2	Xã Kiên Mộc	Trường PTDT BT Tiểu học I Kiên Mộc	Tiểu học	4,19	95,93	95,93
3	Xã Na Sầm	Trường Tiểu học Hoàng Việt	Tiểu học	4,21	91,23	91,23
4	Xã Quan Sơn	Trường Tiểu học Quan Sơn	Tiểu học	3,83	72,74	72,74
5	Phường Kỳ Lừa	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu học	4,32	89,84	89,84
6	Phường Kỳ Lừa	Trường Tiểu học Hợp Thành	Tiểu học	3,91	74,37	74,37
7	Xã Na Dương	Trường Tiểu học Mỏ Na Dương	Tiểu học	4,28	96,19	96,19
8	Xã Na Dương	Trường Tiểu học Na Dương	Tiểu học	4,4	93,58	93,58
9	Xã Thất Khê	Trường Tiểu học Chi Lăng	Tiểu học	4,51	98,45	98,45
10	Xã Bình Gia	Trường Tiểu học Bình Gia	Tiểu học	4,18	86,78	86,78
11	Xã Bình Gia	Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ	Tiểu học	4,51	95,8	95,8
12	Xã Văn Quan	Trường Tiểu học 1 Văn Quan	Tiểu học	4,22	89,19	89,19
13	Phường Tam Thanh	Trường Tiểu học Tam Thanh	Tiểu học	4,35	95,83	95,83
14	Xã Châu Sơn	Trường Tiểu học Châu Sơn	Tiểu học	4,21	91,6	91,6
15	Xã Hội Hoan	Trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học Nam La	Tiểu học	4,21	86,82	86,82
16	Xã Kháng Chiến	Trường TH&THCS Kháng Chiến	Tiểu học	4,49	97,54	97,54
17	Xã Tân Đoàn	Trường Tiểu học Tân Thành	Tiểu học	4,35	89,04	89,04

2.2.2.3. Đối với Giáo dục trung học cơ sở

- Điểm hài lòng chung: 4,23
- Tỷ lệ hài lòng chung: 87,82%
- Mức độ hài lòng: 87,82%

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
1	Xã Kiên Mộc	Trường Trung học cơ sở Bình Xá	Trung học cơ sở	4,13	90,86	90,86
2	Xã Na Sầm	Trường trung học cơ sở Lũng Vài	Trung học cơ sở	4,27	89,55	89,55
3	Xã Quốc Việt	Trường Trung học cơ sở Đào Viên	Trung học cơ sở	4,06	76,32	76,32
4	Xã Vạn Linh	Trường Trung học cơ sở Hòa Bình	Trung học cơ sở	4,47	93,27	93,27
5	Xã Vũ Lễ	Trường trung học cơ sở Vũ Sơn	Trung học cơ sở	4,19	84,16	84,16
6	Phường Kỳ Lừa	Trường Trung học cơ sở Cao Lộc	Trung học cơ sở	4,31	91,44	91,44
7	Phường Lương Văn Tri	Trường THCS Chi Lăng	Trung học cơ sở	4,2	87,35	87,35
8	Phường Đông Kinh	Trường Trung học cơ sở Mai Pha	Trung học cơ sở	4,02	77,11	77,11
9	Xã Bắc Sơn	Trường Trung học cơ sở Bắc Quỳnh	Trung học cơ sở	4,16	87,53	87,53
10	Xã Văn Quan	Trường THCS Văn Quan	Trung học cơ sở	4,15	86,34	86,34
11	Xã Diêm He	Trường Phổ thông DTBT Tiểu học và Trung học cơ sở Liên Hội	Trung học cơ sở	4,4	95,88	95,88
12	Xã Chiến Thắng	Trường Trung học cơ sở Chiến Thắng	Trung học cơ sở	4,45	94,03	94,03

2.2.2.4. Đối với Giáo dục trung học phổ thông

- Điểm hài lòng chung: 4,14
- Tỷ lệ hài lòng chung: 84,22%
- Mức độ hài lòng: 84,22%

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
1	Xã Ba Sơn	THPT Ba Sơn	Trung học phổ thông	4,21	90,22	90,22

2	Xã Na Sầm	THPT Văn Lãng	Trung học phổ thông	4,18	83,84	83,84
3	Phường Kỳ Lừa	THPT Cao Lộc	Trung học phổ thông	4,11	79,98	79,98
4	Phường Đông Kinh	THPT Dân tộc Nội trú tỉnh	Trung học phổ thông	4,06	80,62	80,62
5	Xã Lộc Bình	THPT Lộc Bình	Trung học phổ thông	4,03	77,32	77,32
6	Xã Na Dương	THPT Na Dương	Trung học phổ thông	4,2	89,26	89,26
7	Xã Bình Gia	THPT Bình Gia	Trung học phổ thông	4,22	90	90
8	Xã Bắc Sơn	THPT Bắc Sơn	Trung học phổ thông	4,15	86,51	86,51
9	Xã Chi Lăng	THPT Chi Lăng	Trung học phổ thông	4,18	86,75	86,75
10	Xã Văn Quan	THPT Lương Văn Tri	Trung học phổ thông	4,11	79,81	79,81
11	Xã Diêm He	THPT Văn Quan	Trung học phổ thông	4,02	82,64	82,64
12	Xã Vân Nham	THPT Vân Nham	Trung học phổ thông	4,18	83,71	83,71

2.2.2.5. Đối với Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

STT	XÃ/PHƯỜNG	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀİ LÒNG (HL)
1	Xã Lộc Bình	TTGDTX Lộc Bình	Giáo dục thường xuyên	4,09	86,43	86,43

2.2.2.6. Đối với Giáo dục đại học (cao đẳng Lạng Sơn)

STT	ĐƠN VỊ	BẬC HỌC	SỐ PHIẾU	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀİ LÒNG (HL)
1	Cao đẳng Lạng Sơn	Cao đẳng	560	4,17	83,76	83,76

2.2.3. So sánh kết quả của các năm (2025 và 2026)

- Đối với cấp mầm non:

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀİ LÒNG (HL)
01	2025	4.46	94.93%	94.93%
02	2026	4.41	95.37%	95.36%
So sánh		- 0.05	+0.44%	+0.43%

- Đối với cấp tiểu học:

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
01	2025	3.78	84.84%.	84.84%.
02	2026	4.25	90,78%	90,78%
So sánh		+ 0.47	+5.94%	+5.94%

- Đối với cấp trung học cơ sở

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
01	2025	3,96	78,25%	78,25%
02	2026	4,23	87,82%	87,82%
So sánh		+ 0.47	+9.57%	+9.57%

- Đối với cấp trung học phổ thông

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
01	2025	4,16	83,77%	83,77%
02	2026	4,14	84,22%	84,22%
So sánh		- 0.02	+0.45%	+0.45%

- Đối với Giáo dục Nghề nghiệp – Giáo dục Thường xuyên

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
01	2025	4,28	89,38%	89,38%
02	2026	4,09	86,43%	86,43%
So sánh		- 0.19	-2,95%	-2,95%

- Đối với Cao đẳng

STT	Năm đánh giá	ĐHLC	TLHLC (%)	HÀI LÒNG (HL)
01	2025	4,05	82,53	82,53
02	2026	4,17	83,76	83,76
So sánh		- 0.19	+1,23%	+1,23%

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ hài lòng đối với chất lượng giáo dục trên địa bàn tỉnh nhìn chung có sự chuyển biến tích cực so với năm 2025. Trong 06 nhóm cơ sở giáo dục được khảo sát, có 5/6 nhóm tăng tỷ lệ hài lòng, trong đó 2 nhóm có mức tăng rõ rệt; chỉ có 01 nhóm giảm nhẹ.

Cấp mầm non: Tỷ lệ hài lòng tăng từ 94,93% lên 95,36%, tăng 0,43 điểm phần trăm; mặc dù điểm đánh giá trung bình giảm nhẹ từ 4,46 xuống 4,41 (giảm 0,05 điểm), nhưng mức độ hài lòng chung vẫn được duy trì ở mức rất cao, phản ánh chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non tiếp tục đáp ứng tốt kỳ vọng của phụ huynh.

Cấp tiểu học: Có sự chuyển biến tích cực với điểm đánh giá trung bình tăng từ 3,78 lên 4,25 (tăng 0,47 điểm); tỷ lệ hài lòng tăng từ 84,84% lên 90,78%, tăng 5,94 điểm phần trăm. Đây là mức cải thiện đáng kể, cho thấy chất lượng tổ chức dạy học và các điều kiện bảo đảm giáo dục ở cấp tiểu học đã được nâng lên rõ rệt.

Cấp trung học cơ sở: Là cấp học có mức cải thiện mạnh nhất. Điểm đánh giá trung bình tăng từ 3,96 lên 4,23 (tăng 0,27 điểm); tỷ lệ hài lòng tăng từ 78,25% lên 87,82%, tăng 9,57 điểm phần trăm. Kết quả này phản ánh những chuyển biến tích cực trong công tác quản lý, chất lượng dạy học và đáp ứng nhu cầu của người học, phụ huynh.

Cấp trung học phổ thông: Mức độ hài lòng tiếp tục được duy trì ổn định. Tỷ lệ hài lòng tăng nhẹ từ 83,77% lên 84,22% (tăng 0,45 điểm phần trăm), trong khi điểm đánh giá trung bình giảm không đáng kể từ 4,16 xuống 4,14. Điều này cho thấy chất lượng giáo dục ở cấp THPT cơ bản được giữ vững.

Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: Là nhóm duy nhất có xu hướng giảm. Điểm đánh giá trung bình giảm từ 4,28 xuống 4,09 (giảm 0,19 điểm); tỷ lệ hài lòng giảm từ 89,38% xuống 86,43%, giảm 2,95 điểm phần trăm. Đây là lĩnh vực cần tiếp tục phân tích nguyên nhân, rà soát các yếu tố ảnh hưởng và triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trong thời gian tới.

Cao đẳng: Mức độ hài lòng tiếp tục được duy trì ổn định. Tỷ lệ hài lòng tăng nhẹ từ 82,53% lên 83,16% (tăng 1,23 điểm phần trăm),

Đánh giá chung: Kết quả khảo sát cho thấy sự hài lòng của người dân đối với các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh có xu hướng được cải thiện, đặc biệt ở cấp tiểu học và trung học cơ sở. Mức độ hài lòng của cấp mầm non và trung học phổ thông tiếp tục duy trì ở mức cao và ổn định. Tuy nhiên, kết quả của khối giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên có xu hướng giảm, cần được quan tâm đánh giá nguyên nhân và có giải pháp khắc phục, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học trong thời gian tới.

Chương 3. Đánh giá và kiến nghị nâng cao chất lượng giáo dục

3.1. Đánh giá

Việc thực hiện đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026 đã được Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức đúng quy trình; thực hiện hướng dẫn chi tiết cho các đơn vị thuộc đối tượng được đánh giá; triển khai thu phiếu, nhập thông tin, xử lý số liệu đảm bảo chính xác, khách quan, đảm bảo độ tin cậy.

Kết quả khảo sát cho thấy đa số cha mẹ học sinh hài lòng đối với chất lượng dịch vụ giáo dục công năm 2026. Đây là cơ sở để các cơ sở giáo dục tiếp tục phát huy những mặt đã đạt được, đồng thời rà soát, cải tiến các nội dung còn hạn chế nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục, chất lượng phục vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và cha mẹ học sinh.

3.2. Đề xuất, kiến nghị

3.2.1. Kiến nghị đối với các đơn vị cơ sở giáo dục cần thực hiện các giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục công:

(1) Giải pháp nâng cao tiếp cận dịch vụ giáo dục

- Cải thiện chất lượng niêm yết công khai các thông tin về dịch vụ giáo dục tại các đơn vị, cơ sở giáo dục.

- Tăng cường truyền thông, cung cấp thông tin cho cha mẹ học sinh, học sinh thông qua Trang thông tin điện tử; Fanpage, Zalo....

(2) Giải pháp nâng cao Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

- Sử dụng hiệu quả Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học sẵn có;

- Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường nguồn lực đầu tư cho giáo dục nhằm cải tạo cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và từng bước trang bị đồng bộ để đáp ứng yêu cầu dạy và học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới 2018.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện tốt công tác tham mưu, huy động các nguồn lực xã hội hỗ trợ xây dựng, cải tạo môi trường cho trẻ mầm non, học sinh học tập.

(3) Giải pháp nâng cao Môi trường giáo dục

- Triển khai có hiệu quả phong trào “Trường học hạnh phúc” phù hợp với điều kiện thực tiễn tại các đơn vị.

- Nghiêm túc triển khai công tác phòng chống đuối nước, tai nạn thương tích; thường xuyên kiểm tra công tác an toàn vệ sinh thực phẩm tại căng tin, bếp ăn của các đơn vị.

- Chỉ đạo các nhà trường thực hiện tốt công tác “Tu vấn tâm lý học đường” để nắm bắt tâm tư, kiến nghị của học sinh.

(4) Giải pháp nâng cao chất lượng Hoạt động giáo dục

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao trình độ đối với đội ngũ cán bộ, giáo viên của các đơn vị.

- Các nhà trường tổ chức các Hội thảo tại trường, học nhóm liên trường để đưa ra các giải pháp phù hợp nhất đối với hoạt động giáo dục.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan thực tế; hoạt động hướng nghiệp; nghiên cứu khoa học.

(5) Giải pháp nâng cao kết quả học tập

- Hướng dẫn học sinh phương pháp tự học; khai thác tài liệu từ các nguồn tài liệu qua thư viện nhà trường, trên Internet.

3.2.2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh

Tiếp tục quan tâm chỉ đạo các sở, ngành, địa phương phối hợp với ngành Giáo dục trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và chuyển đổi số; chỉ đạo các cơ sở giáo dục thường xuyên khảo sát, tiếp thu ý kiến phản hồi của người học, phụ huynh để kịp thời cải tiến chất lượng, phấn đấu nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục trong những năm tiếp theo.

3.2.3. Kiến nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiếp tục hoàn thiện các quy định, hướng dẫn về khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng trong lĩnh vực giáo dục; tăng cường tập huấn, chia sẻ các mô hình, giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục; đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác khảo sát, đánh giá và hỗ trợ các địa phương, đặc biệt là các tỉnh miền núi, vùng khó khăn, nhằm từng bước nâng cao tỷ lệ hài lòng của người học, phụ huynh và xã hội đối với dịch vụ giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả khảo sát, đo lường sự hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (để b/c);
- Sở Nội vụ (b/c);
- GD, các PGD Sở;
- Lưu VT, HCTH (NHT).

Hoàng Quốc Tuấn